

B, ngày 20 tháng 9 năm 2019

Số: 338/2019/QĐST- HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Đặng Thị Ngọc Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hồng Sáng

2. Ông Nguyễn Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: bà Giả Huệ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh B tham gia phiên tòa: bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công Ki vụ án thụ lý số: 370/2019/TLST-HN ngày 18/7/2019 về việc “*Hôn nhân và gia đình*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2019/QĐST - HN ngày 03 tháng 9 năm 2019:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1989; địa chỉ số 127/6 ấp A, xã A, huyện T, tỉnh B (có mặt).

- Bị đơn: anh Phạm Văn S (C), sinh năm 1984; địa chỉ 018/GX ấp G, xã A, huyện B, tỉnh B (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật gia Huỳnh Văn T – Hội viên Hội luật gia Việt Nam tỉnh B (có mặt)

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/7/2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Lê Thị Ngọc H trình bày:

Chị và anh S tự nguyện kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A (T – B) vào ngày 25/10/2006.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại ấp A, xã A (T – B). Đến năm 2015, do bất đồng quan điểm, anh S thường xuyên gây sự, ghen tuông và có lời lẽ nặng lời

với cha mẹ chị nên hai bên phát sinh mâu thuẫn. Hiện anh S đã trở về nhà cha mẹ ruột thuộc ấp G, xã A (B – B) sinh sống. Và hai bên đã chính thức sống ly tH từ tháng 4/2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly tH, gia đình hai bên có tạo điều kiện hoà giải nhưng không thành. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng đầy áp lực, không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu ly hôn với anh S. Con chung Phạm Nguyễn Phương Q sinh ngày 16/02/2007 và Phạm Nguyễn Hoàng K sinh ngày 25/11/2011 hiện ở với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Tài sản chung hiện không tranh chấp. Nợ chung không có.

Tại phiên tòa:

- Chị Nguyễn Lê Thị Ngọc H giữ nguyên trình bày, yêu cầu và đồng ý nộp án phí sơ thẩm.

- Anh Phạm Văn S đồng ý ly hôn với chị H; đồng ý theo nguyện vọng của hai con chung, giao Phạm Nguyễn Phương Q sinh ngày 16/02/2007 và Phạm Nguyễn Hoàng K sinh ngày 25/11/2011 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con chung hàng tháng theo quy định pháp luật là 745.000 đồng/cháu. Tài sản chung, nợ chung hiện không tranh chấp.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh S: hai bên hiện thoả thuận tất cả các vấn đề liên quan trong vụ án trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nhận thấy trong quá trình tố tụng, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật và chấp hành nghiêm nội quy phiên toà. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử.

- Về nội dung: nhận thấy tại phiên tòa, hai bên thuận tình ly hôn và thoả thuận được các vấn đề của vụ án. Do đó, căn cứ vào Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận trên.

Từ các lời trình bày trên;

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và sự thoả thuận của các bên tại phiên tòa sơ thẩm.

Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm, chị H và anh S đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và sự thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử công nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 213, 246 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Lê Thị Ngọc H và anh Phạm Văn S. Giấy chứng nhận kết hôn số 35 (quyển 01/2006) ngày 25/10/2006 của Ủy ban nhân dân xã A (T – B) chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

2. Về con chung: chị Nguyễn Lê Thị Ngọc H có quyền trực tiếp nuôi dưỡng Phạm Nguyễn Phương Q sinh ngày 16/02/2007 và Phạm Nguyễn Hoàng K sinh ngày 25/11/2011 (phù hợp với nguyện vọng của hai con chung). Anh Phạm Văn S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 745.000đ/cháu (bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng trên một cháu) cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 20/9/2019.

Anh Phạm Văn S có quyền thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

3 Về tài sản chung, nợ chung: hiện không tranh chấp.

4. Án phí (ly hôn + cấp dưỡng) sơ thẩm: 600.000đ (S trăm ngàn đồng) chị Nguyễn Lê Thị Ngọc H đồng ý nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004981 ngày 12/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Do đó, chị H còn phải nộp tiếp số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A, H.T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ngọc Duyên

